

Số: **1382**/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **23** tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Danh mục TTHC cắt giảm thời gian  
giải quyết và cắt giảm thành phần hồ sơ giải quyết  
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của  
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày  
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị  
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của  
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Kế hoạch số 2231/KH-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của  
UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính trên địa  
bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 1330/TTr-  
VPUBND ngày 20 tháng 10 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính  
cắt giảm thời gian giải quyết và cắt giảm thành phần hồ sơ giải quyết trên địa  
bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023.

**Điều 2.** Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã căn cứ  
Quyết định này thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết và thành phần hồ sơ giải  
quyết thủ tục hành chính bảo đảm đúng quy định và niêm yết, công khai tại Bộ  
phận tiếp nhận và trả kết quả.

Giao Văn phòng UBND tỉnh niêm yết, công khai thủ tục hành chính tại  
Trung tâm Phục vụ hành chính công; các Sở, Ban, ngành phối hợp với UBND  
cấp huyện, Viễn thông Đắk Nông điều chỉnh quy trình thực hiện TTHC trên  
Công Dịch vụ công tỉnh bảo đảm thời gian giải quyết theo Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Viễn thông Đắk Nông;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC, NC(S).



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Chiến**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC TTHC CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT VÀ CẮT GIẢM THÀNH PHẦN HỒ SƠ GIẢI QUYẾT**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2023**

*Ban hành kèm theo Quyết định số **1382/QĐ-UBND** ngày **23** tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông*

**1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT**

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (Ngày)	Thời hạn thực hiện sau cắt giảm (Ngày)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG</b>				
1	1.009374	Cấp Giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	15	13	
2	1.003483	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ Xuất bản phẩm (cấp địa phương)	10	8	
3	1.003725	Cấp Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	12	10	
4	1.004470	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)	10	8	
<b>II</b>	<b>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>				
5	1.005398	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	30	20	
6	1.011616	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	30	20	
7	2.000983	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	30	20	
8	1.002255	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	30	20	



STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (Ngày)	Thời hạn thực hiện sau cắt giảm (Ngày)	Ghi chú
<b>III</b>	<b>SỞ Y TẾ</b>				
9	1.004529	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế			
10	1.002425	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			
<b>IV</b>	<b>ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN</b>				
	<b>Lĩnh vực Người có công</b>				
11	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	24	23	Cắt giảm thời gian tại cấp huyện
12	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	24	23	Cắt giảm thời gian tại cấp huyện
13	1.010805	Giải quyết chế độ đối với anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	24	23	Cắt giảm thời gian tại cấp huyện
14	1.010810	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Đối với người bị thương thường trú tại địa phương nơi bị thương, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: Thời gian 204 ngày, giảm còn 203 ngày - Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương:		Cắt giảm thời gian tại cấp huyện

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (Ngày)	Thời hạn thực hiện sau cắt giảm (Ngày)	Ghi chú
			Thời gian 207 giảm còn 206 ngày - Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, không do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: Trên 207 ngày		
15	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (CĐHH)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CĐHH: Thời gian 84 ngày giảm còn 83 ngày</li> <li>- Trường hợp người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi mà bố (mẹ) chưa được hưởng: Thời gian 89 ngày giảm còn 88 ngày</li> <li>- Trường hợp có vợ hoặc chồng nhưng không có con đẻ: Thời gian 31 ngày giảm còn 30 ngày.</li> </ul>		Cắt giảm thời gian tại cấp huyện
16	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	96	95	Cắt giảm thời gian tại cấp huyện
17	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	24	23	Cắt giảm thời gian tại cấp huyện
18	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	24	23	Cắt giảm thời gian tại cấp huyện

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (Ngày)	Thời hạn thực hiện sau cắt giảm (Ngày)	Ghi chú
19	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	24	23	Cắt giảm thời gian tại cấp huyện
20	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	<p>- Trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công an quản lý: Thời gian 24 ngày giảm còn 23 ngày</p> <p>- Trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý: Thời gian 15 ngày giảm còn 14 ngày</p>		Cắt giảm thời gian tại cấp huyện
21	1.010811	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	42	41	Cắt giảm thời gian tại cấp huyện
22	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	<p>- Đối với trợ cấp một lần và mai táng: Thời gian 24 ngày giảm còn 23 ngày</p> <p>- Đối với trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng:  + Thời gian 31 ngày giảm còn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp đủ điều kiện.  + Thời gian 43 ngày giảm còn 42 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng.</p>		Cắt giảm thời gian tại cấp huyện



STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (Ngày)	Thời hạn thực hiện sau cắt giảm (Ngày)	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>					
23	1.001776	Thực hiện điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	22	21	
24	1.001758	Thực hiện chi trả trợ cấp xã hội, nhận chăm sóc hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	6	5	
25	1.001753	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh	8	7	
26	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng phí cho đối tượng Bảo trợ xã hội	5	4	
27	2.000744	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	5	4	
28	2.000286	Tiếp nhận đối tượng Bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	27	26	
<b>Lĩnh vực Thi đua khen thưởng</b>					
29	2.000374	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	20	18	
30	1.000804	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	20	18	

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (Ngày)	Thời hạn thực hiện sau cắt giảm (Ngày)	Ghi chú
V	<b>ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ</b>				
31	1.000775	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	20	18	
32	2.000364	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	20	18	
33	2.000337	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	20	18	
34	2.000305	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	20	18	
35	1.010736	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến cấp xã	20	18	

## 2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THÀNH PHẦN HỒ SƠ GIẢI QUYẾT

STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ theo Quy định	Thành phần hồ sơ cắt giảm
<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>				
1	2.001064	- Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn	- Đơn đăng ký cấp/gia hạn chứng chỉ hành nghề. - Giấy chứng nhận sức khỏe. - 02 ảnh 4x6.	* Đơn giản hóa thành phần hồ sơ là <b>“Căn cước công dân”</b> cụ thể: - Trực tiếp: Chỉ cần <u>xuất trình</u> căn cước công dân để kiểm tra thông tin cá nhân, không cần nộp bản photo





STT	Mã TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ theo Quy định	Thành phần hồ sơ cắt giảm
		các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân.</li> <li>- Lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (Đối với người nước ngoài).</li> <li>- Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y (trường hợp cấp mới).</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp (trong trường hợp gia hạn).</li> </ul>	<p>CCCD (<i>kiểm tra bằng cách quét mã QR trên thẻ hoặc nhập mã số CCCD trên hệ thống dữ liệu dân cư</i>).</p> <p>- Trực tuyến:</p> <p>+ <u>Bản chụp</u> từ bản chính.</p> <p>+ Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong cơ sở dữ liệu về dân cư, được hệ thống điền tự động thì <u>không phải tải lên</u> bản chụp.</p>
2	1.001686	- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y.</li> <li>- Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề thú y đối với người quản lý, người trực tiếp buôn bán thuốc thú y (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).</li> </ul>	<p>* Đơn giản hóa thành phần hồ sơ là <b>“Chứng chỉ hành nghề thú y”</b> cụ thể:</p> <p><u>Không cần nộp</u> bản photo chứng chỉ hành nghề thú y, do trong quá trình cấp chứng chỉ hành nghề thú y cho các cá nhân cơ quan có thẩm quyền giải quyết đã lưu hồ sơ (<i>áp dụng cho hình thức nộp trực tiếp, bưu chính công ích</i>).</p>

**Tổng số: 35 TTHC cắt giảm thời gian giải quyết và 02 TTHC cắt giảm thành phần hồ sơ giải quyết**

